

Số: 43/2024/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 01 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh năm: 1998; Địa chỉ: **Thôn P, xã Q, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Bị đơn: Ông **Hoàng Hải T**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: **Thôn T, xã Q, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Hồng N** và ông **Hoàng Hải T**

2. Công nhân sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có hai người con chung là **Hoàng Hải D**, sinh ngày 07/01/2015 và **Hoàng Ngọc D1**, sinh ngày 14/9/2017.

Bà **N** và ông **T** thỏa thuận giao hai người con chung **Hải D** và **Ngọc D1** cho bà **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông **T** không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bà **N**

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận bà **Trần Thị Hồng N** chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà **N** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002571 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Hoàn trả cho bà **N** số tiền chênh lệch 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CC THADS huyện A Lưới;
- UBND xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới;
- (ĐKKH ngày 14/6/2017)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vĩnh